

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN YÊN THÀNH  
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.**

Bản án số: 71 /2021/HNGĐ-ST

Ngày 24 - 9 - 2021.

(V/v: Tranh chấp Hôn nhân & Gia đình)

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THÀNH - TỈNH NGHỆ AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* bà Lê Thị Nhung.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Thái Văn Thành.

2. Ông Phan Văn Hưng.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Bá Kiên - Thư ký tòa án nhân dân huyện Yên Thành - tỉnh Nghệ An.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thành tham gia phiên tòa:**

Không tham gia.

Ngày 24 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án “Tranh chấp Hôn nhân & Gia đình” thụ lý số: 109/2021/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2021/QĐST - DS ngày 20/8/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 89/2021/QĐST - HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị B - sinh năm 1995. *(có mặt)*

Địa chỉ cư trú: Xóm T, xã V, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

**- Bị đơn:** Anh Nguyễn Duy S - sinh năm 1993.

Địa chỉ cư trú: Xóm T, xã V, huyện Y, tỉnh Nghệ An. *(Vắng mặt lần thứ 2).*

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Trong đơn khởi kiện xin ly hôn, tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị B trình bày:* Chị và anh Nguyễn Duy S kết hôn vào ngày 27/11/2015 tại Ủy ban nhân dân xã Văn Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc với nhau đến tháng 4 năm 2020 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do tính cách không phù hợp, anh S không chăm lo cuộc sống gia đình, kinh tế gia đình khó khăn dẫn đến bất đồng, thậm chí xúc phạm, xô xát nhau. Sau khi mâu thuẫn xảy ra thì vợ chồng đã được gia đình và ban xóm đã hòa giải nhiều lần, tuy nhiên vẫn không được cải thiện. Hai bên đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2020 cho đến nay. Chị B xác định không còn tình cảm với anh S nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn anh Nguyễn Duy S.

- Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là cháu Nguyễn Thị Hà A, sinh ngày 27/6/2016 và cháu Nguyễn Thị Gia L, sinh ngày 24/4/2018. Hiện nay cháu Hà A đang ở với bố, cháu Gia L đang với mẹ. Ly hôn chị có nguyện vọng giao con theo hiện trạng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

- Về tài sản chung: Chị B không yêu cầu tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ nhiều lần các văn bản tố tụng yêu cầu các bên đến Tòa để tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải tuy nhiên anh S vắng mặt không có lý do. Song qua ý kiến trình bày cũng như các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp và biên bản xác minh tình trạng hôn nhân, con chung chưa thành niên thì về hôn nhân, con chung đúng như chị B trình bày.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định: Sau khi nghe ý kiến trình bày của chị B tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**1. Về thủ tục tố tụng:** Đây là vụ án tranh chấp về Hôn nhân & Gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn anh S có hộ khẩu thường trú tại xã Văn Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An được quy định tại điểm a khoản 1 điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự, vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Thành. Tại phiên tòa nguyên đơn có mặt, bị đơn anh Nguyễn Duy S vắng mặt không có lý do, do đó căn cứ vào Điều 227; Điều 228 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với bị đơn.

#### **2. Về nội dung:**

[2.1] Về hôn nhân: Xét hôn nhân giữa chị B, anh S là hôn nhân hợp pháp, tuân thủ theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên cuộc sống chung của vợ chồng những năm gần đây không được hạnh phúc. Qua xem xét thấy rằng nguyên nhân mâu thuẫn trên là đúng thực tế và phù hợp với trình bày của chị B. Xét tình trạng hôn nhân giữa chị B và anh S đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

[2.2] Về con chung: Chị B có nguyện vọng giao cháu Hà A cho anh S nuôi dưỡng, giao cháu Gia L cho chị nuôi dưỡng theo hiện trạng. Xét thấy hiện nay kinh tế chị B, anh S đang khó khăn việc giao hai cháu cho một người nuôi dưỡng sẽ không phù hợp, tạo gánh nặng về kinh tế cho một bên cũng như không đảm bảo điều kiện cho các cháu phát triển, do đó để đảm bảo lợi ích mọi mặt của con chung, căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình cần tiếp tục giao con chung như hiện trạng trên.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau.

[3] Về tài sản: Chị B không yêu cầu nên miễn xét.

[4] Về án phí: Chị B phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên.*

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 điều 28; khoản 4 điều 207; khoản 1 điều 227; 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; điều 51, 56, 81, 82, 83 của luật Hôn Nhân và Gia đình;

**Xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Bình.

- **Về hôn nhân:** Cho chị Nguyễn Thị B được ly hôn anh Nguyễn Duy S.

- **Về con chung:** Tiếp tục giao con chung là cháu Nguyễn Thị Hà A, sinh ngày 27/6/2016 cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Nguyễn Thị Gia L, sinh ngày 24/4/2018 cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng đến lúc con chung đủ 18 tuổi trưởng thành.

Chị B, anh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con chung các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- **Án phí:** Căn cứ vào khoản 4, điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; điều 27 Nghị quyết 326 /2016/UBTVQH, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc chị B phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Án phí của chị B được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị B đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002937 ngày 19/4/2021. Chị B đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai sơ thẩm. Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án cấp phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ.

### Nơi nhận

- VKS H.Yên Thành
- Các đương sự
- THA DS H.Yên Thành
- TAND tỉnh
- UBND xã (ĐKKH)
- Lưu hs, VP

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Lê Thị Nhung**